TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/ KDTM – ST
Ngày 15/01/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Đinh Khắc Việt

2/ - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trần Đức Tuyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/ TLST- KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A B**

Địa chỉ: số 170 H B T, phường Đ K, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó tổng Giám đốc, theo văn bản ủy quyền số: 08/UQ-HĐQT.15 ngày 10 tháng 07 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP A B.

Ông Nguyễn Mạnh Q ủy quyền lại cho ông Dương Đồng T, chức vụ: Nhân viên ngân hàng TMCP An Bình làm đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số: 1081/UQ-TGĐ.18 ngày 19/10/2018).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP A B: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V N.

Địa chỉ: 22 H V, phường L T T, quận H K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V N.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP A B

Người đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A B.

Ông Nguyễn Mạnh Q, chức vụ: Phó tổng Giám đốc ủy quyền lại cho ông Dương Đồng T, chức vụ: nhân viên Ngân hàng TMCP A B, theo giấy ủy quyền số: 1081/UQ-TGĐ ngày 19/10/2018.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: số 26, tổ 7 ấp B T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hoàng B, sinh năm 1960 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: 224/2A N T, phường M L, TP. L X, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Trần Thúy K, sinh năm 1982 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: 48/9 khóm Đ T I, phường M P, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Trần Thúy K là luật sư Phạm Thái B – Văn phòng Luật sư Thái B – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt không lý do)

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: 31 T Đ T, khu phố B L I, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

4. Bà Võ Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: 31 T Đ T, khu phố B L I, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP A B – Đại diện theo ủy quyền ông Dương Đồng T trình bày: Vào ngày 17/01/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A B (sau đây viết tắt *"ABBANK"*) và bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H (sau đây viết tắt là *"Bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H"*) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4733/16/TD/XIII ngày 17/01/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.01-4733/16/TD/XIII ngày 22/11/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.02-4733/16/TD/XIII ngày 29/11/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS .03-4733/16/TD/XIII ngày 02/12/2016. Theo đó, ABBANK cho bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H vay với các nội dung thoả thuận như sau:

- Số tiền vay: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng);
- Mục đích vay : Tài trợ chi phí đóng tàu cá theo hồ sơ thiết kế sau:

+ Số 739/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 727/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 740/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 728/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 741/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 730/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 742/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 731/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 743/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 732/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 744/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 729/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

- Thời hạn vay: 84 tháng, Ân hạn tối đa 06 tháng tính cho mỗi lần Bên vay rút tiền vay;
- Lãi suất cho vay: Theo quy định của ABBANK tại thời điểm giải ngân. Lãi suất thay đổi ngay khi ABBANK thông báo thay đổi lãi suất; Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4733/16/TD/XXIII ngày 17/11/2016 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.01-4733/16/TD/XIII ngày 22/11/2016; hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS .02-4733/16/TD/XIII ngày 29/11/2016; hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.03-4733/16/TD/XIII ngày 02/12/2016, Bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H, ông Lê Hoàng B đã ký kết các Hợp đồng thế chấp:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4733/16/TC/XXIII ngày 29/11/2016. Tài sản thế chấp là các tàu cá hình thành trong tương lai theo các chứng từ pháp lý sau: Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 742/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 731/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016, Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 744/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 729/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016, Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 739/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 727/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016, Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 741/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 730/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016, Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 740/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 728/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016, Phiếu duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật số 743/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016, Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 732/SNNPTNT ngày 19/08/2016, Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá ngày 22/06/2016. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4733/16/TC/XXIII ngày 29/11/2016 đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 12/12/2016.

2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4733A/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại: Phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339940, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00034 do UBND thành phố L X, tỉnh An Giang cấp ngày 22/01/2010. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu sử dụng ngày 24/10/2012. Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang ngày 17/11/2016 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thành phố L X, tỉnh An Giang ngày 17/11/2016.

3. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số : 4733B/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp A T, xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 753522, số vào sổ cấp Giấy chứng nhậ n: CH01867 do UBND huyện C M, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2010.

Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang ngày 17/11/2016 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất , tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện C M, tỉnh An Giang ngày 17/11/2016.

4. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4733D/16/BL/XXIII ngày 02/12/2016. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại: phường B K, thành phố L X, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 183764, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận : CS08329 do Sở Tài nguyên và môi trường , tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2016.

Hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang ngày 02/12/2016 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất , tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh Thành phố L X, tỉnh An Giang ngày 02/12/2016. ABBANK đã giải ngân đúng theo nội dung trong Hợp đồng tín dụng , bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H đã thực hiện việc rút vốn vay tại ABBANK với số tiền : 25.500.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng **)** theo các Giấy nhận nợ sau :

- Giấy nhận nợ số 4733.1/16/GNN/XXIII ngày 22/11/2016, số tiền rút 11.000.000.000đ (Mười một tỷ đồng **)**, lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ số 4733.2/16/GNN/XXIII ngày 23/11/2016, số tiền rút : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ số 4733.3/16/GNN/XXIII ngày 07/12/2016, số tiền rút : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.

- Giấy nhận nợ số 4733.4/16/GNN/XXIII ngày 16/12/2016, số tiền rút 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn

- Giấy nhận nợ số 4733.5/16/GNN/XXIII ngày 06/01/2017, số tiền rút : 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn . Tính đến ngày 18/12/2019, bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H còn nợ ABBANK tổng số tiền là: 23.066.783.389đ (hai mươi ba tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).trong đó:

- Nợ gốc: 16.500.000.000 đồng (mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng);

- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 12/01/2020: 6.115.812.770 (sáu tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) – Theo bản kê tính lãi tính đến ngày 12/01/2020 của Ngân hàng TMCP A B.

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/01/2020: 616.433.825đ (sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) – Theo bản kê tính lãi tính đến ngày 12/01/2020 của Ngân hàng TMCP A B. Tổng cộng gốc và lãi là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn ba trăm tám mươi chín đồng).

Trong quá trình thanh toán nợ cho Ngân hàng thì vào ngày 11/12/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Trần Thúy K có nộp cho Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc là 4.500.000.000đ (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) và Ngân hàng TMCP A B đã trừ vào nợ gốc cho khoản vay của DNTN V H, sau đó Ngân hàng TMCP A B đã giải chấp tài sản của hợp đồng thế chấp số: 4733D/16/BL/XXIII ngày 02/12/2016 là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số: CE 183764 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2016, đứng tên bà Nguyễn Trần Thúy K. Đến nay thì Ngân hàng TMCP A B đã nhiều lần thông báo nhắc nhở các khoản nợ còn lại đến hạn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H và bà H cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng bà H vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP A B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là trong trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì Ngân hàng TMCP A B không yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất theo

GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 183764 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2016, do bà Nguyễn Trần Thúy K đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời Ngân hàng TMCP A B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H trả cho Ngân hàng TMCP A B tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 18/12/2019 là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) - Theo bản kê tính lãi tính đến ngày 12/01/2020 của Ngân hàng TMCP A B. Trong đó nợ gốc là 16.500.000.000 đồng (mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn tính đến ngày 12/01/2020 là 6.115.812.770 (sáu tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/01/2020 là 616.433.825đ (sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) và thanh toán nợ lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại các hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng TMCP A B kể từ ngày 13/01/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng TMCP A B yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 4733/16/TC/XXIII ngày 29/11/2016, Hợp đồng thế chấp quyền s ử dụng đất số 4733A/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4733B/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016 để thu hồi nợ theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H trình bày: Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/11/2017 của bà Nguyễn Thị H trình bày như sau: Tôi thừa nhận có nợ Ngân hàng TMCP A B số tiền gốc là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ đồng) và lãi phát sinh. Tính đến ngày 28/11/2017 tôi nợ tổng cộng số tiền gốc và lãi là 22.498.368.332đ (hai mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ đồng), lãi trong hạn là 1.496.854.112đ (một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm mười hai đồng), lãi quá hạn là 1.514.220đ (một triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng).

Nay tại Tòa án tôi đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP A B với số tiền còn nợ là tổng cộng gốc và lãi là 22.498.368.332đ (hai mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ đồng), lãi trong hạn là 1.496.854.112đ (một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm mười hai đồng), lãi quá hạn là 1.514.220đ (một triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 29/11/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay. Trong trường hợp tôi không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì tôi đồng ý để ngân hàng phát mãi các tài sản đã thế chấp bảo lãnh để trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng B trình bày: Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 10/05/2019 của ông Lê Hoàng B trình bày như sau: Tôi là em chồng của bà Nguyễn Thị H, tôi có đứng ra bảo lãnh cho ông Lê Minh C là con trai của bà Nguyễn Thị H để vay tiền của Ngân hàng với hạn mức là 30.000.000.000 (ba mươi tỷ đồng), khi bảo lãnh tôi có thế chấp 1 GCNQSDĐ, mang tên Lê Hoàng B đã được chuyển tên từ ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị T, số BA 339940, thửa đất số 317, tờ bản đồ số 15, địa chỉ: phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang, diện tích 187,3m^2 do UBND thành phố L X, tỉnh An Giang cấp ngày 22/01/2010.

Tôi yêu cầu Tòa án xem xét việc giải ngân của Ngân hàng xem có đúng với thỏa thuận ban đầu hay không.

Tôi cũng là nạn nhân của việc vay tài sản này vì tôi cũng tin tưởng con cháu nên đưa tài sản của mình cho doanh nghiệp tư nhân V H vay để có tiền mua tài sản của tôi là 20.000.000.000đ (hai mươi tỷ đồng) và sổ tiết kiệm 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), tổng cộng là khoản tiền 22.000.0000.000đ (hai mươi hai tỷ đồng) nhưng cuối cùng tôi chỉ nhận được 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ đồng), dẫn đến tôi không trả được nợ cho cô Nguyễn Trần Thúy K. Trong đó tôi đã phải bỏ ra 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để trả nợ gốc cho Ngân hàng.

Tôi không hề lừa dối cô Nguyễn Trần Thúy K vì tôi thực sự có mua nhà của cô K và nếu tôi có nhận được tiền mà không trả thì tôi mới là lừa dối. Bởi lẽ tôi dự định bán các tài sản của tôi cho DNTN V H với giá 20.000.000.000đ (hai mươi tỷ đồng), nhưng vì DNTN V H chưa có tiền ngay nên tôi dùng 3 tài sản của tôi (1 mang tên tôi, 1 của Nguyễn Văn T, Võ Thị T đồng ý cho tôi và 1 tài sản tôi mua của cô K) để bảo lãnh cho DNTN V H vay 30.000.000.000đ (ba mươi tỷ đồng), để trả cho tôi 20.000.000.000đ (hai mươi tỷ đồng). Nhưng sau khi giải ngân thì DNTN V H chỉ trả cho tôi 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ

đồng). Trước đó giữa tôi và cô K thỏa thuận là tôi mua nhà của cô K 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng) nhưng do DNTN V H không trả lại 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) còn lại cho tôi nên tôi không có khả năng trả cho cô K.

Nay tại Tòa án tôi yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H trả hết số nợ trên cho Ngân hàng TMCP A B. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H không trả được nợ cho Ngân hàng thì tôi không đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: do ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày: do bà Võ Thị T vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Trần Thúy K trình bày: do bà Nguyễn Trần Thúy K vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có khi có mặt, khi vắng mặt vào lúc được Tòa án triệu tập lên làm việc, do đó chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A B, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V N là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP A B. Buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H trả cho Ngân hàng TMCP A B tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn

tính đến ngày 12/01/2020 là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 16.500.000.000đ (mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 6.115.812.770 (sáu tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), tiền lãi quá hạn là 616.433.825đ (sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H không trả nợ thì Ngân hàng TMCP A B có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp gồm:

1. Tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản (tài sản hình thành trong tương lai) số 4733/16/TC/XXIII ngày 29/11/2016.

2. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại: Phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339940, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00034 do UBND thành phố L X, tỉnh An Giang cấp ngày 22/01/2010, đứng tên ông Lê Hoàng B.

3. Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấ p A T, xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 753522, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH01867 do UBND huyện C M, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2010, đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T.

- Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Kinh doanh thương mại không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại trên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị H – Chủ doanh nghiệp tư nhân V H với tư cách là bị đơn và ông Lê Hoàng B, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Trần Thúy K với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay bà H, ông B, ông T, bà T và bà K vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B, ông T, bà T và bà K, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H, ông Lê Hoàng B, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Trần Thúy K là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP An Bình với bà Nguyễn Thị Hạnh là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

[3] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Đồng T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là trong trường hợp bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì Ngân hàng TMCP A B không yêu cầu phát mãi tài sản tài sản là quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 183764 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 01/11/2016, do bà Nguyễn Trần Thúy K đứng tên quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T là có cơ sở chấp nhận phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Đồng T đã rút.

[4] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Đồng T cho thấy. Tại thời điểm vào ngày 17/01/2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A B (sau đây viết tắt *"ABBANK"*) và bà Nguyễn Thị H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H (sau đây viết tắt là *"Bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H"*) đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 4733/16/TD/XIII ngày 17/01/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.01-4733/16/TD/XIII ngày 22/11/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.02-4733/16/TD/XIII ngày 29/11/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS .03-4733/16/TD/XIII ngày 02/12/2016. Theo đó, ABBANK cho bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H vay với các nội dung thoả thuận như sau:

- Số tiền vay: **30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)**;
- Mục đích vay : Tài trợ chi phí đóng tàu cá theo hồ sơ thiết kế sau:

+ Số 739/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 727/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 740/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 728/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 741/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 730/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 742/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 731/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 743/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 732/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

+ Số 744/16HN-ĐKTC ngày 18/07/2016 và văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá số 729/SNNPTPT ngày 19/08/2016.

- Thời hạn vay: 84 tháng, Ân hạn tối đa 06 tháng tính cho mỗi lần Bên vay rút tiền vay;
- Lãi suất cho vay: Theo quy định của ABBANK tại thời điểm giải ngân. Lãi suất thay đổi ngay khi ABBANK thông báo thay đổi lãi suất; Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng TMCP A B đã giải ngân đúng theo nội dung trong Hợp đồng tín dụng , bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H đã thực hiện việc rút vốn vay tại ABBANK với số

tiền: 25.500.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng) theo các Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ số 4733.1/16/GNN/XXIII ngày 22/11/2016, số tiền rút 11.000.000.000đ (Mười một tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ số 4733.2/16/GNN/XXIII ngày 23/11/2016, số tiền rút : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ số 4733.3/16/GNN/XXIII ngày 07/12/2016, số tiền rút : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn.
- Giấy nhận nợ số 4733.4/16/GNN/XXIII ngày 16/12/2016, số tiền rút 7.000.000.000đ (Bảy tỷ đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn
- Giấy nhận nợ số 4733.5/16/GNN/XXIII ngày 06/01/2017, số tiền rút : 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), lãi suất 10,5%/năm. Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn . Tính đến ngày 12/01/2020, bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H còn nợ ABBANK tổng số tiền là: 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 16.500.000.000 đồng (mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng).
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 12/01/2020: 6.115.812.770 (sáu tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).
- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12/01/2020: 616.433.825đ (sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) – Theo bản kê tính lãi tính đến ngày 12/01/2020 của Ngân hàng TMCP A B. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Nay đại diện theo quyền của nguyên đơn ông Dương Đồng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H trả cho Ngân Hàng TMCP An Bình số tiền gốc là 16.500.000.000 đồng (mười sáu tỷ năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 12/01/2020 là 6.115.812.770 (sáu tỷ một trăm mười lăm triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12/01/2020 là 616.433.825đ (sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng). Tổng

cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) và yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP A B, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị H trả hết nợ cho ngân hàng TMCP A B. Lời yêu cầu của ông Dương Đồng T phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A B tổng cộng tiền gốc và lãi là 22.498.368.332đ (hai mươi hai tỷ bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi mốt tỷ đồng), lãi trong hạn là 1.496.854.112đ (một tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm mười hai đồng), lãi quá hạn là 1.514.220đ (một triệu năm trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 29/11/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay. Trong trường hợp bà H không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì bà H đồng ý để ngân hàng phát mãi các tài sản đã thế chấp bảo lãnh để trả nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H không trả tiền lãi và trả nợ gốc khi đến hạn cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật…

Chính vì vậy buộc bà Nguyễn Thị H - Chủ DNTN V H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A B tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng B yêu cầu Tòa án xem xét việc giải ngân của Ngân hàng TMCP A B có đúng với thỏa thuận ban đầu hay không. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số: 4733/16/TD/XXIII ngày 17/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A B với DNTN V H tại Khoản 2 Điều 3 của hợp đồng thì hai bên thỏa thuận: Điều kiện rút vốn vay: "Trước khi rút vốn vay, bên vay phải: cung cấp cho Ngân hàng TMCP A B đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay phù hợp với mục đích quy định tại Điều 1. Hoàn thành các thủ tục về bảo đảm tiền vay nói trên tại Điều 7 hợp đồng này…". "Tại Khoản 4 Điều 3 của hợp đồng thì hai bên thỏa thuận về các điều kiện khác để rút vốn vay: "…Giải ngân tối đa 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ đồng) mua gỗ (để đóng 06 chiếc tàu đánh cá)". Tiếp theo là tài trợ tối đa 7.000.000.000đ (bảy tỷ đồng) mua một lần 06 máy tàu. Trước khi cho mục đích vay này thì Ngân hàng TMCP A B cần đối chiếu công nợ với bên bán, bảo đảm bên bán với bên vay không còn nghĩa vụ tài chính nào. Sau khi giải ngân cho mục đích mua gỗ và mua máy như trên thì Ngân hàng TMCP A B giải ngân khi bên vay cung cấp chứng từ chứng minh bên vay đã tham gia một phần vốn tự có tối thiểu là 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ đồng) có chứng từ chứng minh, bao gồm cả phần vốn tự có ban đầu). Ngân hàng TMCP A B sẽ tài trợ cho bên vay hoàn thiện cùng lúc tối đa hai chiếc tàu cho đến khi hai chiếc tàu đi vào hoạt động và hoàn thành thủ tục thế chấp cho Ngân hàng TMCP A B rồi mới tiếp tục tài trợ hai chiếc tàu tiếp theo (tài trợ tương tự như hai chiếc tàu ban đầu) cho đến hết sáu chiếc tàu…"Do đó việc Ngân hàng TMCP A B giải ngân cho DNTN V H 05 lần với tổng số tiền là 25.500.000.000đ (hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng) là đúng theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng để mua gỗ đóng 06 chiếc tàu, mua 06 máy tàu và tài trợ để hoàn thiện 02 chiếc tàu.

Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Lê Hoàng B cho rằng Ngân hàng TMCP A B giải ngân không đúng theo thỏa thuận là không có cơ sở.

[6] Xét yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng B yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H trả hết số nợ trên cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông Lê Hoàng B không đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp. Lời yêu cầu của ông Lê Hoàng B thì

không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trong vụ án này bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H là người vay tiền của Ngân hàng TMCP A B số tiền là 25.500.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng), khi đến hạn thì bà H là bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên cho vay là Ngân hàng TMCP A B. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Mặt khác giao dịch giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP A B với bị đơn bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Hoàng B, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Trần Thúy K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra việc bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H không trả tiền lãi và trả nợ gốc khi đến hạn cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ được quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

1. Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật…

Chính vì vậy bác lời khai nại của ông Lê Hoàng B.

[7] **Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A B được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP A B không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A B số tiền là 66.191.936đ (sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0007649 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H phải nộp: 112.000.000đ + 0,1% x 19.232.246.595đ = 131.232.246đ tính tròn là 131.232.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 Điều 471, Điều 474, Điều 302, Điều 319, Điều 355 Bộ Luật Dân Sự năm 2005; Điều 147, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A B, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng V N là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP A B.

3/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A B đã rút.

4/ Bác lời khai nại của ông Lê Hoàng B.

5/ Buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H trả cho Ngân hàng TMCP A B tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 23.232.246.595đ (hai mươi ba tỷ hai trăm ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức số: 4733/16/TD/XIII ngày 17/01/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS.01-4733/16/TD/XIII ngày 22/11/2016; Hợp đồng sửa đổi , bổ sung hợp đồng tín dụng số SĐBS .02-4733/16/TD/XIII ngày 29/11/2016; cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A B thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A B.

6/ Sau khi bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A B thì Ngân hàng TMCP A B có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Hoàng B, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BA 339940 do UBND thành phố L X, tỉnh An Giang cấp ngày 22/01/2010 đứng tên ông Lê Hoàng B, Quyền sử dụng đất diện tích 187,3m^2, thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 753522 do UBND huyện C M, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2010 đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T, Quyền sử dụng đất diện tích 14.737m^2, thuộc thửa đất số 77, 80, 83, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại ấp A T, xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của

bị đơn, theo hợp đồng thế chấp tài sản (tài sản hình thành trong tương lai) số 4733/16/TC/XXIII ngày 29/11/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4733A/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4733B/16/BL/XXIII ngày 17/11/2016 để thu hồi nợ cho nguyên đơn bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại: Phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 339940, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH00034 do UBND thành phố L X, tỉnh An Giang cấp ngày 22/01/2010, đứng tên ông Lê Hoàng B.

+ Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấ p A T, xã H B, huyện C M, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 753522, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận : CH01867 do UBND huyện C M, tỉnh An Giang cấp ngày 14/10/2010, đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T.

7/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị H – Chủ DNTN V H nộp 131.232.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A B số tiền là 66.191.936đ (sáu mươi sáu triệu một trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0007649 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP A B biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Nguyễn Thị H – Chủ Doanh nghiệp tư nhân V H, ông Lê Hoàng B, ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị T, bà Nguyễn Trần Thúy K biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
TÒA
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

(Đã ký)

Lê Quang Nhật